

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**LỖI NGỮ ÂM-ÂM VỊ TIẾNG ANH PHỔ BIẾN
CỦA NGƯỜI VIỆT VÀ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT**
NGUYỄN TẤN LỘC*

TÓM TẮT: Tiếng Anh và tiếng Việt có hệ thống ngữ âm khác nhau, trong đó có nhiều âm chỉ có trong tiếng Anh mà không có trong tiếng Việt và ngược lại. Trong khi tiếng Anh có trọng âm thì tiếng Việt lại có thanh điệu hoặc tiếng Anh có hiện tượng nối âm thì tiếng Việt yêu cầu phát âm tròn vành rõ chữ từng âm tiết, v.v. Những khác biệt này gây ra không ít khó khăn cho người Việt khi học phát âm tiếng Anh và thường mắc lỗi. Trong khuôn khổ của bài báo này, tác giả sẽ trình bày những phát hiện từ nghiên cứu chỉ ra các vấn đề ngữ âm-âm vị phổ biến của người Việt khi học tiếng Anh. Số liệu của bài báo được trích từ một phần trong cơ sở dữ liệu quy mô hơn của công trình nghiên cứu việc dạy và học phát âm tiếng Anh tại Việt Nam. Từ đó, bài viết đề xuất những giải pháp cụ thể với hi vọng có thể giúp học viên người Việt Nam học phát âm tiếng Anh hiệu quả hơn.

TỪ KHÓA: tiếng Anh như một ngoại ngữ; kiến thức ngữ âm; kỹ năng phát âm; lỗi ngữ âm-âm vị; giải pháp đề xuất.

NHẬN BÀI: 13/10/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 06/02/2024

1. Mở đầu: một số vấn đề liên quan

Phát âm là thành phần cốt lõi của quá trình giao tiếp bằng lời nói, giúp chủ thể giao tiếp thành công truyền đạt nội dung (Derwing & Munro, 2015). Thomson và Derwing (2015) đã chỉ ra rằng, bất kì ai sử dụng ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ để giao tiếp mà có vấn đề về phát âm sẽ khó có thể thành công trong giao tiếp bằng lời cho dù kiến thức ngữ pháp hoặc vốn từ vựng của người đó có tốt đến đâu chăng nữa. Trong quá trình học tiếng Anh, kỹ năng phát âm tốt sẽ giúp học viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ khác, nhất là kỹ năng nghe và nói [Nguyễn Tấn Lộc và cộng sự, 2021; Pennington & Rogerson-Revell, 2019]. Nhiều nghiên cứu cho thấy, kỹ năng phát âm tốt giúp người học tự tin hơn khi nói tiếng Anh và có động lực để giao tiếp với mọi người bằng tiếng Anh [Nguyễn Tấn Lộc & Bùi Phú Hưng, 2021; Zielinski, 2012; Zielinski & Yates, 2014].

Ba thập niên vừa qua đã có nhiều công trình nghiên cứu chứng minh tính hiệu quả của việc giảng dạy kiến thức ngữ âm-âm vị đối với sự phát triển kỹ năng phát âm của người học ngôn ngữ, như: công trình của Camus (2020), Saito và Saito (2017), Shao và cộng sự (2022), Zhang và Yuan (2020), v.v. Tựu trung lại, nhiều bằng chứng khoa học cho thấy, khi được học lý thuyết ngữ âm-âm vị và áp dụng lý thuyết này vào quá trình luyện tập, người học có thể cải thiện kỹ năng phát âm nói riêng và năng lực giao tiếp nói chung. Hướng nghiên cứu này cũng đã khảo sát thực tiễn giảng dạy phần phát âm và cách nhìn của giáo viên về các vấn đề liên quan, việc thiết kế các hoạt động dạy và học phát âm trong các bộ sách giáo khoa đang có mặt trên thị trường cũng như quan điểm của học viên về chủ đề này. Kết quả cho thấy, nhiều giáo viên không chủ động thiết kế các hoạt động dạy phát âm một cách có hệ thống khi soạn giáo án mà thường sửa lỗi sai cho người học bằng cách yêu cầu người học nghe giáo viên phát âm mẫu rồi lặp lại [Derwing, 2018; Foote và cộng sự, 2016]. Tuy nhiên, những nghiên cứu khác lại cho thấy, nhiều học viên không thích giáo viên dạy phát âm theo cách như thế. Thay vào đó, người học mong muốn giáo viên dạy kiến thức ngữ âm-âm vị một cách bài bản và có hệ thống giúp họ luyện kỹ năng phát âm hiệu quả hơn [Couper, 2019; Kang, 2010; Nguyễn Tấn Lộc, 2019; Pardede, 2018]. Do đó, các giáo sư đầu ngành trong lĩnh vực ngữ âm-âm vị học đã liên tục kêu gọi giáo viên dạy phát âm một cách bài bản trong lớp học ngôn ngữ nhằm giúp học viên tự tin sử dụng ngôn ngữ

*TS; Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; Email: loc.nguyen@ueh.edu.vn

để giao tiếp [Burri và cộng sự, 2017; Buss, 2017; Couper, 2017; Derwing & Munro, 2015; Jones, 2018].

Tuy nhiên, những nghiên cứu gần đây phát hiện ra rằng, việc giảng dạy phát âm của nhiều giáo viên tiếng Anh thường mang tính tự phát thông qua việc sửa lỗi sai cho người học theo kiểu “sai đâu sửa đó” [Buss, 2017; Foote và cộng sự, 2011; Nguyễn Tấn Lộc & Newton, 2020; Wahid & Sulong, 2013]. Nguyên nhân chính là do nhiều giáo viên đã không được đào tạo về phương pháp giảng dạy phát âm [Baker, 2014; Couper, 2017; Foote và cộng sự, 2016], theo đó, giáo viên cảm thấy không tự tin, không thoải mái để giảng dạy phát âm trên lớp [Bai & Yuan, 2019; Burri & Baker, 2021; Burri và cộng sự, 2017]. Bên cạnh đó, việc thiết kế những bài học phát âm trong sách giáo khoa chưa hợp lý cũng khiến nhiều giáo viên cảm thấy khó khăn khi tiến hành dạy phát âm một cách bài bản cho người học [Baker & Murphy, 2011; Derwing và cộng sự, 2012; Diepenbroek & Derwing, 2013]. Một lí do khác khá phổ biến nữa là thời lượng phân bổ trên lớp dành cho môn tiếng Anh [Bai & Yuan, 2019; Baker, 2011; Couper, 2019]. Thực tế cho thấy, giáo viên phải đảm nhận khối lượng giảng dạy quá lớn trong một khoảng thời gian hạn hẹp với mục tiêu cuối cùng là giúp người học làm bài thi tiếng Anh đạt yêu cầu nhưng bài thi thường chủ yếu kiểm tra kiến thức về từ vựng và ngữ pháp [Hà Văn Xuân & Murray, 2020; Nguyễn Tấn Lộc & Newton, 2020].

Với sự cộng hưởng của nhiều yếu tố như trên đã làm cho việc dạy và học phát âm tiếng Anh không được triển khai một cách bài bản, dẫn đến nhiều người học mắc lỗi ngữ âm-âm vị khi nói tiếng Anh [Celce-Murcia và cộng sự, 2010; Derwing, 2018; Foote & Trofimovich, 2018]. Mỗi nhóm học viên của mỗi một nền văn hóa khác nhau (như Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc, Ý, Tây Ban Nha, v.v.) khi học tiếng Anh đều có những lỗi ngữ âm-âm vị đặc trưng và vì thế cần những giải pháp cụ thể và phù hợp, giúp học viên thành công trong giao tiếp bằng lời nói.

2. Lỗi ngữ âm-âm vị phổ biến của học viên tiếng Anh người Việt Nam

Từ trải nghiệm và tự cảm nhận cá nhân của mình, nhiều người Việt Nam học tiếng Anh cho rằng, bản thân thường mắc những lỗi liên quan đến yếu tố đoạn tính (*segmental features*) và siêu đoạn tính (*suprasegmentals*), như: phụ âm (*consonants*), nguyên âm (*vowels*), nhấn câu (*sentence stress*), nối âm (*linking sounds*) và ngữ điệu (*intonation*). Trong đó, đa phần người học cho biết, lỗi nghiêm trọng nhất là lỗi nhấn câu và ngữ điệu trong tiếng Anh. Ví dụ:

“Lỗi nghiêm trọng nhất của em là em không biết lên giọng, xuống giọng chỗ nào cho đúng khi nói tiếng Anh. Cho nên em cứ đọc từ nào cũng như từ đó chứ không có nhấn nhá gì hết. Có mấy lần em thử nhấn nhá thì tụi nó (sinh viên trong lớp) chọc quê em quá trời”. (ST1)

“Em nghĩ cái lỗi em thường hay bị là em nói tiếng Anh ngang ngang chứ không biết lên xuống giọng chỗ nào. Nhiều lúc em cũng muốn nhấn nhá cho nó nghe hay hay với người ta nhưng em sợ mình làm sai người ta cười nhạo nên tị luôn”. (ST5)

Trong tiếng Anh, ngữ điệu đóng vai trò vô cùng quan trọng, quyết định sự thành bại của quá trình giao tiếp bằng lời [Avery & Ehrlich, 2019]. Ví dụ:

“*Minh was on time for the meeting*”

Khi người nói dùng ngữ điệu đi xuống (*falling tone*) thì phát ngôn này là câu tường thuật (*statement*) thông báo đến người nghe việc “Minh đến dự họp đúng giờ”.

Khi người nói dùng ngữ điệu đi lên (*rising tone*) thì phát ngôn này trở thành một câu hỏi (*question*) mang nghĩa “Minh đến dự họp đúng giờ có phải không?”.

Trong trường hợp người nói muốn hỏi người nghe “Minh đến dự họp đúng giờ có phải không?” nhưng lại dùng ngữ điệu đi xuống thì người nghe sẽ xem đó là một câu tường thuật và dĩ nhiên sẽ không trả lời “đúng” hoặc “không đúng”. Thay vào đó, người nghe có thể hỏi đáp “*Fantastic!*” (Quá tuyệt!) hoặc “*Great! I was really worried.*” (Tốt rồi! Tôi thật sự đã rất lo lắng).

Ngoài chức năng chờ nghĩa cho phát ngôn/ câu, ngữ điệu trong tiếng Anh còn giúp chủ thể phát ngôn truyền tải thái độ và cảm xúc trong quá trình giao tiếp bằng lời nói [Celce-Murcia và cộng sự, 2010; Avery & Ehrlich, 2019].

Không ít người học còn cho biết bản thân thường không có thói quen phát âm những phụ âm ở vị trí cuối từ và do đó không nổi âm khi nói tiếng Anh. Ví dụ:

“Một lỗi nữa mà thầy cô thường hay nhắc em là không đọc âm cuối và không chịu nổi âm khi đọc á. Ví dụ như khi em nói câu “It’s our pet” thì em không có đọc âm “xờ” trong từ “it’s” và do đó không có nổi âm “xờ” với cái nguyên âm phía sau. Rồi chữ pet em cũng không có bật âm /t/ ra nữa. Thầy cô hay nhắc mấy cái này mà sao em quên miết”. (ST7)

“Cũng như nhiều bạn thì em rất hiếm khi đọc âm cuối. Lâu lâu nhớ thì em mới đọc. Với em thường không đọc nối các từ lại với nhau. Một số thầy cô cũng hay sửa cái lỗi này nhưng em chưa luyện được thói quen này”. (ST21)

Đối với người bản xứ, khi giao tiếp nói, họ phát âm những phụ âm ở vị trí cuối từ và từ trong tiềm thức họ sẽ nối các âm lại với nhau. Hiện tượng nổi âm trong tiếng Anh có thể xuất hiện: giữa một phụ âm và một nguyên âm (ví dụ: *stop it*), giữa hai phụ âm (ví dụ: *big companies*), giữa hai nguyên âm (ví dụ: *be able*) hoặc giữa một nguyên âm và một bán nguyên âm (ví dụ: *go west*) [Nguyễn Tấn Lộc, 2023].

Một vài sinh viên cho rằng, mình phát âm sai những phụ âm tiếng Anh không có trong tiếng Việt (ví dụ: /dʒ/ trong *job* /dʒɒb/; /ʒ/ trong *usually* /ˈjuːʒəli/). Chỉ có số ít sinh viên nhận thấy, bản thân không phân biệt được nguyên âm dài và ngắn (ví dụ: /liːv/ trong từ *leave* và /lɪv/ trong từ *live*; /fuːd/ trong *food* và /ʃɒd/ trong *should*). ST11 đã giải thích như sau:

“Với em thấy có mấy phụ âm em đọc quai mà không được á thầy. Ví dụ như chữ nghề nghiệp (job) á, em toàn đọc thành chớp không á. Còn mấy cái nguyên âm dài ngắn gì đó nữa như trong từ thức ăn (food) hoặc là chữ should á. Hồi có cô kia nói em phải đọc hai cái nguyên âm khác nhau mà em không biết là khác sao luôn. Cái này khác sao vậy thầy?” (ST11).

Chia sẻ cách nhìn của người học, giáo viên cũng cho rằng, ngữ điệu là lỗi âm vị phổ biến nhất của người Việt học tiếng Anh. Theo mô tả của giáo viên, nhiều sinh viên người Việt Nam nói tiếng Anh với giọng ngang (*flat tone*) giống như khi nói tiếng Việt. Hơn nữa, từ kinh nghiệm giảng dạy tiếng Anh nhiều năm của mình, giáo viên còn quan sát và nhận thấy rằng, lỗi liên quan đến phụ âm cuối và nổi âm cũng như một số phụ âm tiếng Anh (vì đặc điểm này không có trong tiếng Việt).

Kết quả khảo sát của chúng tôi trùng khớp với kết quả khảo sát lỗi ngữ âm-âm vị của người Việt du học và/ hoặc định cư tại các quốc gia nói tiếng Anh đã được các nhà nghiên cứu ở Anh và Mỹ thực hiện [Avery & Ehrlich, 2019; Lane & Brown, 2010; Smith & Swan, 2001].

3. Giải pháp đề xuất

3.1. Sử dụng đúng bộ phận cấu âm ở đúng vị trí cấu âm của từng âm vị

Việc này cần được chú trọng tuyệt đối khi dạy và học phụ âm tiếng Anh. Cơ quan cấu âm (*articulatory organs*) là tập hợp những bộ phận khác nhau nằm phía trên các cơ quan hô hấp của cơ thể người [Avery & Ehrlich, 2019]. Trong khi nói tiếng Anh, chúng ta sử dụng những bộ phận cấu âm (*articulators*) khác nhau tùy vào phụ âm nào đang được phát ra. Ví dụ:

Khi dạy phụ âm nướu (*alveolar consonant*) /s/ trong từ *sea* /si:/ (biển), giáo viên cần hướng dẫn người học đưa đầu lưỡi tiến đến gần (nhưng không chạm) vào nướu răng hàm trên (*alveolar ridge*) để một phần cản trở luồng hơi từ phổi đẩy lên khoang miệng để thoát ra ngoài.

Muốn phát âm phụ âm /ʃ/, khá giống với âm /s/, trong từ *she* /ʃi:/ chính xác, người học cần đưa đầu lưỡi tiến gần (nhưng không chạm) vào khu vực giữa nướu răng và ngạc cứng (*hard palate*) trên vòm miệng vì /ʃ/ là phụ âm nướu ngạc (*palato-alveolar consonant*).

Đối với những phụ âm ngạc mềm (*velar consonants*) /k, g, ŋ/ như trong từ *keep* /ki:p/ (giữ), *go* /gəʊ/ (đi) và *singer* /'sɪŋə/ (ca sĩ), phần sau của lưỡi (*tongue back*) được nâng lên chạm vào ngạc mềm (*soft palate* hay còn gọi là *velar*) để khóa hoàn toàn luồng hơi đang được đẩy lên từ phổi.

Khác với phụ âm, nguyên âm được phát âm với luồng hơi được đẩy lên từ phổi và thoát ra ngoài mà hoàn toàn không bị cản trở [Avery & Ehrlich, 2019]. Vì vậy, nguyên âm tiếng Anh không được phân loại dựa vào vị trí cấu âm mà là độ cao của lưỡi (*tongue height*) và phần lưỡi (*tongue part*). Tùy thuộc vào nguyên âm nào đang được phát ra mà quyết định phần trước (*tongue front*), phần giữa (*middle part*) hay phần sau của lưỡi (*tongue back*) được sử dụng và vị trí của lưỡi (*tongue position*) sẽ thay đổi trong khoang miệng từ thượng (*high*), trung (*mid*) đến hạ (*low*). Ví dụ:

Nguyên âm /i:/ trong từ *sea* /si:/ (biển) là nguyên âm thượng, trước (*high front vowel*), được phát âm bằng cách nâng phần trước của lưỡi lên cao hơn so với vị trí bất động (*rest position*), tức là vị trí bình thường của lưỡi khi chúng ta ngậm miệng. Ngược lại, nguyên âm /ɒ/ trong từ *hot* /hɒt/ (nóng) là nguyên âm hạ, sau (*low back vowel*), được phát âm bằng phần sau của lưỡi, mở rộng khớp hàm và hạ lưỡi xuống thấp hơn vị trí bất động. Trong khi đó, để phát âm nguyên âm /ɜ:/ trong từ *fur* /fɜ:/ (lông thú) thì chúng ta cần dùng phần giữa của lưỡi và lưỡi sẽ nằm im ở vị trí bất động vì /ɜ:/ là nguyên âm trung, giữa (*mid central vowel*).

Để giúp người học thuận lợi trong việc quan sát vị trí cấu âm cũng như hoạt động của các bộ phận cấu âm, giáo viên có thể sử dụng các phần mềm kỹ thuật như *Pronunciation Power* để trình chiếu hoặc có thể sử dụng các video có sẵn trên YouTube để giảng bài. Những phần mềm kỹ thuật cũng như video trên YouTube mô phỏng một cách chi tiết và sống động cơ chế hoạt động của những bộ phận cấu âm bên trong khoang miệng, giúp học viên quan sát và dễ hình dung hơn khi nghe giảng.

3.2. Phát âm đúng theo phương thức cấu âm của từng âm vị

Phương thức cấu âm (*manner of articulation*) là cách thức mà một âm vị, cụ thể là trong tiếng Anh, được tạo ra như thế nào dựa vào sự cản trở của luồng hơi từ phổi thoát ra bên ngoài (Avery & Ehrlich, 2019). Dựa vào phương thức cấu âm, 24 phụ âm trong tiếng Anh được phân chia thành 6 nhóm với tên gọi gồm: (1) phụ âm tắc/nổ (*stops/plosives*), (2) phụ âm xát (*fricatives*), (3) phụ âm tắc xát (*affricates*), (4) phụ âm mũi (*nasals*), (5) phụ âm rìa (*laterals*), và (6) phụ âm tương đối (*approximants*). Mỗi nhóm phụ âm có phương thức cấu âm riêng biệt, giúp học viên phân biệt sự khác biệt giữa những phụ âm được phát âm với cùng bộ phận cấu âm và vị trí cấu âm. Ví dụ:

4 phụ âm /t, d, s, z/ trong tiếng Anh đều được gọi là phụ âm nướu (*alveolars*). Tuy nhiên, /t, d/ được phát âm bằng cách đưa đầu lưỡi chạm vào nướu răng để hoàn toàn chặn đứng luồng hơi trong khoang miệng. Luồng hơi sau đó thỉnh thoảng bật thoát ra ngoài kèm theo một tiếng nổ (*explosion*). Trong khi đó, /s, z/ được tạo ra bằng cách đưa đầu lưỡi tiến đến gần nướu răng (nhưng không chạm) nhằm một phần cản trở luồng hơi trong khoang miệng và do đó luồng hơi liên tục thoát ra ngoài qua khe hẹp giữa đầu lưỡi và nướu răng tạo ra tiếng ma sát (*friction*) trong quá trình phát âm.

Một đặc điểm nữa liên quan đến phương thức cấu âm của phụ âm tiếng Anh là sự rung (*vibration*) của dây thanh quản (*vocal cords*). Ví dụ:

/p/ trong từ *pen* /pen/ và /b/ trong từ *Ben* /ben/ (tên riêng): Cả /p/ và /b/ đều là phụ âm nổ (*plosives*) được tạo ra bằng cách ép sát hai môi lại với nhau nhằm hoàn toàn khóa chặt luồng hơi từ phổi đẩy lên khoang miệng để thoát ra ngoài và khi hai âm này được phát ra sẽ có một tiếng nổ đi kèm. Tuy nhiên, điểm khác biệt cốt lõi giữa hai phụ âm này đó là: /p/ được phát âm với dây thanh quản mở rộng nên luồng hơi đi qua thanh môn (*glottis*) một cách tự do trong khi phụ âm /b/ được phát âm với dây thanh quản khép lại khiến luồng hơi phải tác động vào hai dây thanh quản, tách chúng ra để thoát ra khỏi thanh môn, làm hai dây thanh quản rung lên. Chính phương thức cấu âm này giúp học viên nhận biết rằng /p/ là phụ âm vô thanh (*voiceless consonant*) còn /b/ là phụ âm hữu thanh (*voiced consonant*). Đồng thời hướng sự chú ý của học viên vào một đặc điểm khu biệt nữa

giữa /p/ và /b/ đó là sự bật hơi (*aspiration*) trong quá trình phát âm. Vì là phụ âm nổ vô thanh nên /p/ được phát âm với sự bật hơi cường độ mạnh (*heavily aspirated*) còn phụ âm hữu thanh /b/ thì được phát âm không bật hơi (*unaspirated*).

Dựa vào những đặc điểm khu biệt đề cập ở trên, khi giảng dạy phụ âm tiếng Anh, trước hết giáo viên cần lưu ý người học cách thức luồng hơi di chuyển và thoát ra ngoài khác nhau như thế nào khi mỗi một phụ âm được phát ra. Giáo viên cần có hình ảnh và/ hoặc video minh họa và giải thích để người học nhận biết và hiểu rõ về phương thức cấu âm của từng phụ âm. Sau đó, giáo viên hướng dẫn người học làm theo để tự cảm nhận luồng hơi bị cản trở một phần hay cản trở hoàn toàn như thế nào trong khoang miệng.

Một đặc điểm khu biệt nữa mà giáo viên có thể giúp học viên phân biệt giữa các phụ âm đó là hiện tượng rung hoặc không rung dây thanh quản. Đồng thời, giáo viên cần thiết kế những dạng bài tập khác nhau giúp người học luyện tập khả năng phân biệt những âm vị có điểm tương đồng. Cặp từ tối giản (*minimal pairs*): cặp từ chỉ khác nhau một âm vị (có thể là nguyên âm hoặc phụ âm) ở cùng một vị trí như *bat* /bæt/ và *bad* /bæd/ hoặc *heat* /hi:t/ và *hit* /hɪt/, là dạng bài tập phù hợp để học viên luyện tập nhận diện (*recognizing*) và phỏng tác (*reproducing*) sự khác biệt giữa hai âm vị.

3.3. Lưu ý độ tròn môi, mức độ co cơ và độ dài của nguyên âm:

Như đã trình bày ở tiểu mục 3.1, nguyên âm được phân loại dựa vào độ cao của lưỡi và phần nào của lưỡi được sử dụng trong quá trình phát âm. Ngoài ra, 12 nguyên âm trong tiếng Anh còn khu biệt lẫn nhau tùy thuộc vào độ tròn môi (*lip rounding*), mức độ co/ giãn cơ (*tenseness/laxness*) và cả độ dài của nguyên âm (*vowel length*). Ví dụ:

Đề phát âm đúng nguyên âm /ɔ:/ trong từ *door* /dɔ:/ (cửa), chúng ta cần vận cơ lực của cơ quan cấu âm (*musculatory effort*) nhiều hơn, hai môi tròn lại (*rounded*) và chu về phía trước (*protruded*), đồng thời kéo dài thời gian phát âm hơn so với nguyên âm /ɒ/ trong từ *hot* /hɒt/ (nóng). Do đó, /ɔ:/ được gọi là nguyên âm dài, mạnh và tròn môi (*long, tense, rounded vowel*) còn /ɒ/ được xếp vào nhóm nguyên âm ngắn, nhẹ và không tròn môi (*short, lax, neutral vowel*). Trong khi đó, nguyên âm /æ/ trong từ *hat* /hæt/ (cái nón) được phát âm bằng cách kéo hai môi bẹt sang hai bên (*spread*) như khi chúng đang cười tươi và không cần vận cơ lực của cơ quan cấu âm vì /æ/ là nguyên âm ngắn, yếu và bẹt môi (*short, lax, spread vowel*).

Khi dạy phát âm nguyên âm, giáo viên có thể sử dụng phần mềm kỹ thuật và video có sẵn trên YouTube để giảng bài như đã đề cập ở tiểu mục 3.1. Việc này có thể giúp người học nghe nhìn, nhận diện và luyện tập phỏng tác để tự cảm nhận sự khác biệt giữa hai nguyên âm một cách tối ưu nhất. Lỗi ngữ âm phổ biến nhất của người Việt học tiếng Anh là không phân biệt được nguyên âm dài với nguyên âm ngắn. Vì vậy, giáo viên có thể giúp người học phân biệt đặc điểm khu biệt này giữa hai nhóm nguyên âm bằng cách thiết kế đa dạng các bài tập có chứa các cặp từ tối giản để học viên luyện tập. Ví dụ: cặp từ có chứa các nguyên âm /i:/ và /ɪ/ như trong cặp *sheep* /ʃi:p/ và *ship* /ʃɪp/, /u:/ và /ʊ/ như trong cặp *Luke* /lu:k/ và *look* /lʊk/, hoặc /æ/ và /e/ như trong cặp *bad* /bæd/ và *bed* /bed/, v.v.

3.4. Dạy phát âm theo định hướng giao tiếp

Hiện nay, hai phương pháp dạy ngoại ngữ nói chung, dạy tiếng Anh nói riêng đang được lựa chọn rộng rãi là: theo định hướng giao tiếp (*communicative language teaching*) và trên nền tảng hoạt động lớp học (*task-based language teaching*). Tôn chỉ của hai phương pháp này là dùng hoạt động giao tiếp để nâng cao năng lực ngôn ngữ của người học và thông qua đó kỹ năng phát âm sẽ phát triển một cách tự nhiên [Dörnyei, 2009; Long, 2015]. Tuy nhiên, việc chỉ chú trọng nghĩa/ ngữ nghĩa (*meaning*) trong hoạt động giao tiếp và xem nhẹ hình thái ngữ âm (*phonological forms*) là yếu điểm của hai phương pháp này trong việc dạy phát âm [Levis & Sonsaat, 2018].

Trong khi học phát âm, người học trước hết cần phải nắm vững cơ chế phát âm của từng yếu tố ngữ âm (*phonological features*) cũng như những quy tắc âm vị (*phonological rules*) trước khi tiến

hành luyện tập và áp dụng vào thực tiễn giao tiếp [Celce-Murcia và cộng sự, 2010; Foote & Trofimovich, 2018]. Do đó, các nhà khoa học đã đề xuất phương pháp giảng dạy phát âm theo định hướng giao tiếp (*communicative pronunciation teaching*) tập trung vào cả hình thái ngữ âm lẫn ngữ nghĩa với mục tiêu giúp học viên phát triển kỹ năng phát âm nói riêng và năng lực giao tiếp nói chung. Phương pháp này gồm 5 bước giảng, bắt đầu từ việc mô tả và phân tích (*description and analysis*) cơ chế phát âm của yếu tố ngữ âm theo sau là những bài tập giúp học viên phát triển khả năng nghe, nhận diện và phân biệt (*listening discrimination*) các yếu tố ngữ âm. Sau đó, giáo viên cho học viên luyện tập yếu tố ngữ âm vừa được học thông qua các hoạt động có sự điều phối của giáo viên (*controlled practice*), giáo viên hướng dẫn (*guided practice*) và giao tiếp tự do (*free communicative practice*). [Nguyễn Tấn Lộc và Newton, 2021].

Nhiều công trình nghiên cứu đã chứng minh rằng, việc giảng dạy kiến thức ngữ âm (*phonetic instruction*) đi kèm với hoạt động giao tiếp (*communicative activities*) giúp học viên phát triển kỹ năng phát âm tiếng Anh [Saito, 2012; Gordan và cộng sự, 2013]. Bên cạnh đó cũng có bằng chứng khoa học cho thấy người học mong muốn được học phát âm theo định hướng giao tiếp [Nguyễn Tấn Lộc, 2019]. Nhiều giáo viên và người học cũng tin rằng, dạy phát âm theo định hướng giao tiếp giúp người học cải thiện phát âm hiệu quả hơn so với các hoạt động dạy học khác như sửa lỗi sai và nghe rồi lặp lại phát âm mẫu [Nguyễn Tấn Lộc & Bùi Phú Hưng, 2021].

4. Kết luận

Do những khác biệt về hệ thống ngữ âm giữa tiếng Anh và tiếng Việt nên người Việt mắc lỗi khi phát âm cũng như khi nói tiếng Anh là điều khó tránh khỏi. Nhiệm vụ của giáo viên là giúp họ khắc phục các lỗi đó.

Những giải pháp trình bày trong bài viết này dựa trên cơ sở 20 năm kinh nghiệm giảng dạy kỹ năng phát âm tiếng Anh và 15 năm kinh nghiệm nghiên cứu của tác giả trong lĩnh vực dạy và học phát âm cũng như ngữ âm-âm vị học tiếng Anh. Hi vọng những giải pháp này sẽ hữu ích đối với giáo viên đang giảng dạy kỹ năng phát âm tiếng Anh cho người Việt. Đồng thời, những giải pháp đề xuất này có thể trợ giúp người học tiếng Anh khắc phục được những lỗi ngữ âm-âm vị mà mình đang mắc phải. Tuy nhiên, tùy vào từng đối tượng người học, từng hoàn cảnh cũng như các yếu tố môi trường cụ thể mà những giải pháp đề xuất này có thể được điều chỉnh cho phù hợp nhằm mang lại hiệu quả tối ưu nhất có thể trong nỗ lực giúp người học chuẩn hóa kỹ năng phát âm tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Avery, P. & Ehrlich, S. (2019), *Teaching American English Pronunciation* (29th printing). Oxford University Press.
2. Bai, B., & Yuan, R. (2019), EFL teachers' beliefs and practices about pronunciation teaching. *ELT Journal*, 73(2), 134-143. doi:10.1093/elt/ccy040.
3. Couper, G. (2019), Teachers' cognitions of corrective feedback on pronunciation: Their beliefs, perceptions and practices. *System*, 84, 41-52.
4. Derwing, T. M., & Munro, M. J. (2015), *Pronunciation Fundamentals: Evidence-based perspectives for L2 teaching and research* (Vol. 42). John Benjamins Publishing Company.
5. Diepenbroek, L. & Derwing, T. M. (2013), To what extent do popular ESL textbooks incorporate oral fluency and pragmatic development? *TESL Canada Journal*, 30(7), 1-20. <https://doi.org/10.18806/tesl.v30i7.1149>.
6. Dörnyei, Z. (2009), The 2010s. Communicative Language Teaching in the 21st Century: The "Principled Communicative Approach". *Perspectives*, 36(2), 33-43.

7. Foote, J. A., Trofimovich, P., Collins, L., & Urzúa, F. S. (2016). Pronunciation teaching practices in communicative second language classes. *The Language Learning Journal*, 44(2), 181-196.
8. Gordon, J., Darcy, I., & Ewert, D. (2013), *Pronunciation teaching and learning: Effects of explicit phonetic instruction in the L2 classroom*. Proceedings of the 4th Pronunciation in Second Language Learning and Teaching Conference. Iowa State University, USA.
9. Ha, X. V., & Murray, J. C. (2020), Corrective feedback: Beliefs and practices of Vietnamese primary EFL teachers [Advanced online publication]. *Language Teaching Research*. <https://doi.org/https://doi.org/10.1177%2F1362168820931897>
10. Jones, T. (2018), Pronunciation with other areas of language. In O. Kang, R. I. Thomson, & J. Murphy (Eds.), *The Routledge Handbook of Contemporary English Pronunciation* (pp. 370-384). Routledge.
11. Levis, J. M., & Sonsaat, S. (2018), Pronunciation teaching in the early CLT era. In O. Kang, R. I. Thomson, & J. M. Murphy (Eds.), *The Routledge Handbook of Contemporary English Pronunciation* (pp. 267-283). Routledge.
12. Nguyễn Tấn Lộc & Bùi Phú Hưng (2021), Communicative pronunciation teaching: Insights from the Vietnamese tertiary EFL classroom. *System*, 101(2021). <https://doi.org/10.1016/j.system.2021.102573>
13. Pennington, M. & Rogerson-Revell, P. (2019), *English pronunciation teaching and Research: Contemporary perspectives*. Palgrave Macmillan.
14. Shao, Y., Saito, K. & Tierney, A. (2022), How Does Having a Good Ear Promote Instructed Second Language Pronunciation Development? Roles of Domain-General Auditory Processing in Choral Repetition Training. *TESOL Quarterly*, 57(1), 33-63. <https://doi.org/10.1002/tesq.3120>
15. Zielinski, B., & Yates, L. (2014), Myth 2: Pronunciation instruction is not appropriate for beginning-level learners. In L. Grant (Ed.), *Pronunciation Myths: Applying Second Language Research to Classroom Teaching* (pp.56-79). University of Michigan Press.

Phonetic-phonological problems commonly facing Vietnamese EFL learners and suggested solutions

Abstract: The phonology system of English and that of Vietnamese differ from each other in that the former has some features which do not exist in the latter and vice versa. For example, while lexical stress plays an important role in spoken English, Vietnamese is a tone language with six different tones being used to create new lexical items. Phonologically, linking is a common feature that makes spoken English distinctive from Vietnamese. Within the scope of this paper, I will report on findings relating to phonetic-phonological problems that commonly face Vietnamese learners of English based on the data retrieved from a larger scale study investigating the teaching of English pronunciation in Vietnam. On the basis of these common phonetic-phonological problems, solutions are suggested to enable Vietnamese EFL learners to better their English pronunciation.

Key words: English as a foreign language; phonetics-phonology knowledge; pronunciation skill; phonetic-phonological; suggested solutions.